

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 05 - 04 - 2024

V/v hủy một phần di chúc chung  
của vợ chồng, chia tài sản chung  
và chia di sản thừa kế

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Trung Nam**

Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Phan Khánh Vi** - Thư ký Tòa án nhân dân  
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng  
tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tráng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê  
thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2023/TLST-DS  
ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “*Yêu cầu giải quyết hủy một phần di chúc  
chung của vợ chồng, chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*” theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số: 365/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 02 năm 2024; Quyết  
định hoãn phiên tòa số 365/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2024 giữa các  
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1945; Địa chỉ: **Tổ A, phường V,  
quận T, thành phố Đà Nẵng.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Công L1**, sinh năm  
1999; Địa chỉ: **C L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.** (*Theo Giấy ủy quyền  
được Văn phòng C chứng nhận ngày 14/12/2023*). (Có mặt)

- *Bị đơn:* **Phòng Công chứng số 2 thành phố Đ**; Địa chỉ: **số C L, phường T,  
quận T, thành phố Đà Nẵng.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị Thanh H**- Trưởng phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1981- Chuyên viên;  
(*Theo Giấy ủy quyền số 81/GUQ-CC2 ngày 04/04/2024*). (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đoàn Thanh D**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: **Tổ H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)
2. Bà **Đoàn Thị Thanh N**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: **Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)
3. Bà **Đoàn Thị Bi T**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)
4. Ông **Đoàn Thanh T1**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)
5. Bà **Đoàn Thị Thanh B**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: **Tổ F, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)
6. Bà **Đoàn Thị Bích N1**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: **Tổ F, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)
7. Bà **Đoàn Thị Thanh T2**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: **3 Đường C KP2 T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Có đơn xin vắng mặt)
8. Ông **Đoàn Quang T3**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có mặt)
9. Bà **Đoàn Thị Mỹ H2**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà **Nguyễn Thị L** có chồng là ông **Đoàn A**, sinh ngày 05/05/1945, mất ngày 02/08/2018 (theo Trích lục khai tử số 54/TLKT ngày 23/08/2018). Trong quá trình sinh sống bà **L** và ông **Đoàn An s** được 09 người con chung gồm: **Đoàn Thanh D**, sinh năm: 1967; **Đoàn Thị Thanh N**, sinh năm: 1969; **Đoàn Thị Bi T**, sinh năm: 1972; **Đoàn Thanh T1**, sinh năm: 1973; **Đoàn Thị Thanh B**, sinh năm: 1975; **Đoàn Thị Bích N1**, sinh năm: 1977; **Đoàn Thị Thanh T2**, sinh năm: 1978; **Đoàn Quang T3**, sinh năm: 1982; **Đoàn Thị Mỹ H2**, sinh năm: 1983. Ngoài ra, bà **L** và ông **A** không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú, cha mẹ của ông **A** là ông **Đoàn Đình G** và bà **Trần Thị N2** đã chết trước ông **A** (có Trích lục khai tử và ảnh bia mộ kèm theo).

Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng** và trên đất có 1 ngôi nhà: Tổng diện tích sử dụng: 122,05m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng: 62,30m<sup>2</sup>; Kết cấu nhà: T.xây; M. đúc+ngói, sàn đúc; Số tầng: Hai + gác lửng gỗ đã được **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999.

Sau thời gian dài chung sống, đến năm 2013 vợ chồng cũng đã cao tuổi, ông **Đoàn A** đau ốm triền miên, lo sợ tuổi già như ngọn đèn trước gió nên vợ chồng có



lập di chúc để lại tài sản trên cho con trai út là ông Đoàn Quang T3, sinh năm 1982 để sau này ông T3 sẽ là người chăm lo vợ chồng ông A, bà L khi sức yếu.

Đến ngày 20 tháng 03 năm 2013, vào lúc 10h 30' tại Phòng công chứng số B thành phố Đà Nẵng, bà L cùng chồng là ông Đoàn A, sinh năm 1945, chứng minh nhân dân số: 200075924 cấp ngày 13/07/2000 tại C1 cùng lập di chúc trước sự chứng kiến của Công chứng viên: Nguyễn Thị H3, di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung để lại toàn bộ ngôi nhà và đất nói trên cho con trai là ông Đoàn Quang T3.

Sau một thời gian đến ngày 02/08/2018 thì ông Đoàn An m theo giấy trích lục khai tử số 45/TLKT ngày 23/8/2018. Gia đình đã lo an táng cho ông A xong, đến nay bà L muốn định đoạt tài sản của mình là một phần tài sản đã lập trong di chúc nêu trên thì bà có đến Phòng Công chứng số B thành phố Đà Nẵng để yêu cầu Hủy 1 phần di chúc đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/03/2013. Đồng thời, con của ông bà là Đoàn Quang T3 làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc của ông Đoàn A nhưng được Công chứng viên trả lời rằng: "Di chúc của vợ chồng tôi lập là di chúc chung, trường hợp muốn hủy 1 phần thì cả vợ chồng cùng đến Phòng Công chứng để hủy và không thể khai nhận di chúc do di chúc chưa mở thừa kế nên không tiếp nhận hồ sơ của tôi".

Sau đó, ngày 30/10/2023 bà L có làm văn bản gửi Sở Tư pháp xin hỗ trợ chỉ đạo Văn phòng C thực hiện thủ tục Hủy 1 phần di chúc chung. Đến ngày 23/11/2023, bà L có nhận được Công văn số 5307/STP-BTTP ngày 21/11/2023 của Sở Tư Pháp về việc trả lời đơn công dân có nội dung: "*đề nghị bà Nguyễn Thị L liên hệ tổ chức hành nghề công chứng để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định, trường hợp từ chối yêu cầu công chứng thì tổ chức hành nghề công chứng phải giải thích rõ lý do từ chối cho người yêu cầu công chứng.*"

Ngay sau khi nhận được Công văn trả lời trên, bà L đã nhờ người thân đến Phòng C hỏi giúp thủ tục hủy 1 phần di chúc giúp nhưng được trả lời rằng: "*Đối với văn bản trả lời của Sở Tư pháp chỉ trả lời chung chung, không cụ thể và trường hợp của tôi thì không thể Hủy 1 phần di chúc chung, nếu muốn trả lời bằng văn bản thì yêu cầu tôi đến Phòng công chứng số 2 viết phiếu yêu cầu nhưng vẫn trả lời là không tiếp nhận hồ sơ của tôi*". Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng.

- Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A là nhà đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Cụ thể: Mỗi người sẽ được hưởng ½ giá trị nhà và đất trên. Giá trị nhà đất tạm tính là: 2.070.000.000 đồng (*Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng*). Tài sản của bà Nguyễn Thị L tạm tính thành tiền là 1.035.000.000 đồng, di sản của ông Đoàn A để lại tạm tính thành tiền là 1.035.000.000 đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông Đoàn A là ½ giá trị nhà và đất trên tạm tính là



1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng) theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị L yêu cầu nhận nhà và đất là thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng và trên đất có 1 ngôi nhà: Tổng diện tích sử dụng: 122,05m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng: 62,30m<sup>2</sup>; Kết cấu nhà: T.xây; M. đúc+ngói; sàn đúc; Số tầng: Hai + gác lửng gỗ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999 và đồng ý thanh toán kỳ phần cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn A theo quy định.

\* Bị đơn Phòng C thành phố Đà Nẵng có ý kiến trình bày như sau:

Ngày 20/3/2013, Công chứng viên Phòng C đã thực hiện công chứng Di chúc do ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L lập, có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD. Để lại toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất 498, tờ bản đồ 4, địa chỉ: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 06/02/1999 cho con trai là ông Đoàn Quang T3, sinh năm 1982, chứng minh nhân dân số 201480974. Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy:

1. Ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện yêu cầu công chứng Di chúc nêu trên; xuất trình đầy đủ giấy tờ: Chứng minh nhân dân, hộ khẩu; Giấy chứng nhận số 3402080266. Ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L đã ký vào từng trang, điểm chỉ, ghi rõ họ tên vào Di chúc nêu trên.

2. Về tài sản, giấy tờ tài sản tại thời điểm công chứng là tài sản của ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L; không bị tranh chấp; không bị kê biên, phong tỏa và được phép giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Về chủ thể: Tại thời điểm lập Di chúc, ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; việc lập Di chúc trên tinh thần tự nguyện, không bị ai lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép.

Như vậy, văn bản công chứng số 2132 TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 20/3/2013 đảm bảo đầy đủ các giấy tờ theo quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập Di chúc; tuân thủ quy định về chữ viết, chữ ký và điểm chỉ trong văn bản công chứng theo Luật Công chứng. (Văn bản số 285/CC2 ngày 08/12/2023 V/v nêu ý kiến và cung cấp hồ sơ)

Liên quan đến nội dung yêu cầu hủy một phần di chúc chung của vợ chồng có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD. Phòng C thành phố Đà Nẵng cho rằng Phòng C không có cơ sở giải quyết hủy bỏ một phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đã lập trong di chúc chung của vợ chồng theo yêu cầu. (Văn bản số 49/CC2 ngày 28/02/2024 V/v nêu ý kiến hủy di chúc chung)

\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Quang T3 trình bày:

Ông Đoàn Quang T3 thống nhất với yêu cầu khởi kiện về việc hủy phần di



chức của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A, mỗi người được hưởng ½ giá trị nhà và đất. Nhà đất có giá trị 2.070.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng). Ông T3 từ chối nhận phần di sản thừa kế do ông Đoàn A để lại cho ông, từ chối nhận kỹ phần thừa kế được hưởng. Việc từ chối nhận di sản không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác mà do hiện nay mẹ ông là bà Nguyễn Thị L đã già, yếu nên ông cùng các anh chị em thống nhất theo nguyện vọng của bà L. Ông T3 đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Tại văn bản trình bày ý kiến, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Đoàn Thanh D, bà Đoàn Thị Thanh N, bà Đoàn Thị Bi T, ông Đoàn Thanh T1, bà Đoàn Thị Thanh B, bà Đoàn Thị Bích N1, bà Đoàn Thị Thanh T2, bà Đoàn Thị Mỹ H2 cùng trình bày theo hướng thống nhất với yêu cầu khởi kiện về việc hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A, mỗi người được hưởng ½ giá trị nhà và đất. Nhà đất có giá trị 2.070.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng). Đối phần di sản thừa kế của ông Đoàn A là ½ giá trị nhà và đất trên là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng) thì các ông bà từ chối nhận kỹ phần thừa kế được hưởng.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999. So với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3402080266 thì không có thay đổi gì.

#### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung vụ án:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị HĐXX căn cứ các điều 620, 624, 635, 636, 640, 644, 649, 650 và 651 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 664 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 56 của Luật Công chứng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc: Hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số



công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A là nhà đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng trị giá 2.070.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị L được hưởng ½ giá trị nhà và đất là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng). Di sản của ông Đoàn A để lại ½ giá trị nhà và đất là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng). Chia di sản thừa kế của ông Đoàn A: bà Nguyễn Thị L được hưởng phần di sản thừa kế của ông Đoàn A để lại là ½ giá trị nhà và đất là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng).

Giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu nhà và đất là thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng và trên đất có 1 ngôi nhà: Tổng diện tích sử dụng: 122,05m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng: 62,30m<sup>2</sup>; Kết cấu nhà: T.xây; M. đúc+ngói; sàn đúc; Số tầng: Hai + gác lửng gỗ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999 đứng tên ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy một phần di chúc chung của vợ chồng, chia tài sản chung giữa bà và ông Đoàn A là nhà đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999 và chia di sản thừa kế là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Đoàn Thanh D, bà Đoàn Thị Thanh N, bà Đoàn Thị Bi T, ông Đoàn Thanh T1, bà Đoàn Thị Thanh B, bà Đoàn Thị Bích N1, bà Đoàn Thị Thanh T2, bà Đoàn Thị Mỹ H2 có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà sinh được 09 người con



chung gồm: Đoàn Thanh D, Đoàn Thị Thanh N, Đoàn Thị Bi T, Đoàn Thanh T1, Đoàn Thị Thanh B, Đoàn Thị Bích N1, Đoàn Thị Thanh T2, Đoàn Quang T3 và Đoàn Thị Mỹ H2. Trong thời gian chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4 tại địa chỉ Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999. Ngoài ra, bà L và ông A không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú.

Đến ngày 20/03/2013, Công chứng viên Phòng C đã thực hiện công chứng Di chúc do ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L lập có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung để lại toàn bộ nhà đất nêu trên cho con trai là ông Đoàn Quang T3.

Ngày 02/08/2018, ông Đoàn A chết theo giấy trích lục khai tử số 45/TLKT ngày 23/8/2018. Bà Nguyễn Thị L muốn hủy một phần di chúc chung của vợ chồng có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD nhưng Phòng C thành phố Đà Nẵng cho rằng không có cơ sở giải quyết hủy bỏ một phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đã lập trong di chúc chung của vợ chồng theo yêu cầu.

Nay bà Nguyễn Thị L muốn định đoạt tài sản của mình là một phần tài sản đã lập trong di chúc nêu trên nên yêu cầu: Hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A là nhà đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Cụ thể: Mỗi người sẽ được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất trên. Giá trị nhà đất tạm tính là: 2.070.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng). Tài sản của bà Nguyễn Thị L tạm tính thành tiền là 1.035.000.000 đồng, di sản của ông Đoàn A để lại tạm tính thành tiền là 1.035.000.000 đồng. Chia di sản thừa kế của ông Đoàn A là  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất trên tạm tính là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng) theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu nhận nhà và đất nêu trên và đồng ý thanh toán kỹ phần cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn A theo quy định.

[2.1] Xét yêu cầu về việc hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 thì thấy:

Di chúc do ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L lập có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 20/3/2013 với nội dung để lại toàn bộ ngôi nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng cho con trai là ông Đoàn Quang T3 đảm bảo đầy đủ các giấy tờ theo quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập Di chúc; tuân thủ quy định về chữ viết, chữ ký và điểm chỉ trong văn bản công chứng theo Luật Công chứng nên hoàn toàn hợp pháp.

Vào ngày 02/08/2018, ông Đoàn A đã chết, căn cứ tại khoản 2 Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay



thế, hủy bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình". Do đó, bà Nguyễn Thị L có quyền sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của bà. Căn cứ khoản 1 Điều 640 Bộ luật Dân sự 2015 quy định "Người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào" nên công chứng viên Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng có quyền công chứng hủy bỏ một phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đã lập trong di chúc chung của vợ chồng theo quy định khoản 3 Điều 56 Luật Công chứng 2014 nhưng đã không thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L thể hiện ý chí mong muốn định đoạt tài sản của mình là một phần tài sản trong di chúc chung lập cùng ông Đoàn A nên giữ nguyên yêu cầu hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng phù hợp quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu chia tài sản chung của của bà Nguyễn Thị L thì thấy:

Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tô A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng và trên đất có 1 ngôi nhà: Tổng diện tích sử dụng: 122,05m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng: 62,30m<sup>2</sup>; Kết cấu nhà: T.xây; M. đúc+ngói, sàn đúc; Số tầng: Hai + gác lửng gỗ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999. Do ông Đoàn A đã chết và trước đó vợ chồng ông bà không có thỏa thuận về chế độ tài sản. Căn cứ khoản 2 Điều 66 của Luật hôn nhân gia đình quy định: "Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản...". Như vậy, yêu cầu được hưởng ½ giá trị nhà và đất của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà L tạm tính giá trị nhà đất là: 2.070.000.000 đồng. Tại văn bản trình bày ý kiến, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn A gồm: ông Đoàn Thanh D, bà Đoàn Thị Thanh N, bà Đoàn Thị Bi T, ông Đoàn Thanh T1, bà Đoàn Thị Thanh B, bà Đoàn Thị Bích N1, bà Đoàn Thị Thanh T2, bà Đoàn Thị Mỹ H2 cùng trình bày thống nhất nhà đất có giá trị 2.070.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đoàn Quang T3 cũng giữ nguyên ý kiến nhất trí nhà đất có giá trị 2.070.000.000 đồng. Do đó, HĐXX có cơ sở chấp nhận nhà đất trị giá 2.070.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng). Như vậy, ½ giá trị nhà và đất của bà Nguyễn Thị L được hưởng là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng), di sản của ông Đoàn A để lại là ½ giá trị nhà và đất là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng).



[2.3] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế thì thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 66 của Luật hôn nhân gia đình quy định: “...*Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế*”.

Do ông **Đoàn A** đã chết nên phần di chúc của ông **Đoàn A** ghi nhận trong nội dung di chúc chung đã được lập có số công chứng 2132 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/03/2013 phát sinh hiệu lực và người thừa kế theo di chúc của ông **Đoàn A** là ông **Đoàn Quang T3**. Cha mẹ của ông **A** là ông **Đoàn Đình G** và bà **Trần Thị N2** đã chết trước ông **A**, duy nhất bà **Nguyễn Thị L** là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật theo quy định tại Điều 644 của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông **T3** giữ nguyên ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế do ông **Đoàn A** để lại, việc từ chối nhận di sản của ông **T3** là tự nguyện và ông **T3** cam đoan không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác nên di sản của ông **Đoàn A** để lại được chia theo pháp luật quy định tại Điều 650 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xét, tại văn bản trình bày ý kiến ông **Đoàn Thanh D**, bà **Đoàn Thị Thanh N**, bà **Đoàn Thị Bi T**, ông **Đoàn Thanh T1**, bà **Đoàn Thị Thanh B**, bà **Đoàn Thị Bích N1**, bà **Đoàn Thị Thanh T2**, bà **Đoàn Thị Mỹ H2** và ông **Đoàn Quang T3** là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Đoàn A** đều từ chối nhận di sản thừa kế, (kỷ phần thừa kế được hưởng). Do đó, bà **L** đương nhiên được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông **Đoàn A** để lại là  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng** là 1.035.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng*) và không phải thanh toán cho các đồng thừa kế.

Từ những phân tích trên, HĐXX có căn cứ giao cho bà **Nguyễn Thị L** được sở hữu nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: **Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Bà **Nguyễn Thị L** có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy một phần di chúc chung của vợ chồng số tiền 300.000 đồng bà **Nguyễn Thị L** tự nguyện chịu.
- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế thì do bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1945, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

[4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà đất tại địa chỉ **Tổ A, phường V quận T, thành phố Đà Nẵng** số tiền 3.000.000 đồng bà **Nguyễn Thị L** tự nguyện chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 620, 624, 635, 636, 640, 644, 649, 650 và 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 664 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 66 của Luật Hôn nhân gia đình;

- Điều 56 của Luật Công chứng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “*Yêu cầu giải quyết hủy một phần di chúc chung của vợ chồng*”.

Hủy phần di chúc của bà Nguyễn Thị L đối với di chúc có số công chứng 2132TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/03/2013 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về “*Chia tài sản chung*”.

Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn A là nhà đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng trị giá 2.070.000.000 đồng (*Hai tỷ, không trăm, bảy mươi triệu đồng*). Bà Nguyễn Thị L được hưởng ½ giá trị nhà và đất là 1.035.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng*). Di sản của ông Đoàn A để lại ½ giá trị nhà và đất là 1.035.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng*).

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về “*Chia di sản thừa kế*” của ông Đoàn A.

Bà Nguyễn Thị L được hưởng di sản thừa kế của ông Đoàn A để lại là ½ giá trị nhà và đất tại thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng là 1.035.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm, ba mươi lăm triệu đồng*) và không phải thanh toán cho các đồng thừa kế.

Giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu nhà và đất là thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 68,70m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng và trên đất có 1 ngôi nhà: Tổng diện tích sử dụng: 122,05m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng: 62,30m<sup>2</sup>; Kết cấu nhà: T.xây; M. đúc+ngói; sàn đúc; Số tầng: Hai + gác lửng gỗ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402080266 vào ngày 06/02/1999 đứng tên ông Đoàn A và bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:



- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy một phần di chúc chung của vợ chồng số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế bà Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà đất tại địa chỉ: Tô A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu (Đã nộp và đã chi).

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- Người tham gia tố tụng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Thanh Thủy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

không vi phạm pháp luật, hiện không tranh chấp với ai và không có mục đích tâu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. *(Không từ chối nhận di sản nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác).*

